

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN HỌC GDQP&AN
Sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang
(Khóa học từ: 08/08-24/8/2022)

TT	Họ, tên đệm	Tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	Điểm Môn học	XL	Ghi chú
							Điểm.HP1	Điểm.HP2	Điểm.HP3	Điểm.HP4			
1	Cao Thị Thùy	Anh	Nữ	M26A	05;03;2003	Khánh Hòa	8,0	7,2	7,7	8,0	7,7	Khá	
2	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	M26A	13;07;2003	Khánh Hòa	7,2	7,1	7,0	5,6	6,8	Đạt	
3	Phan Thị Kim	Chi	Nữ	M26A	15;07;2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,2	8,8	7,7	Khá	
4	Nay H'	Chuyên	Nữ	M26A	15;01;2003	Gia Lai	7,6	7,2	7,2	5,9	7,0	Đạt	
5	Trần Thị Bảo	Dân	Nữ	M26A	18;02;2003	Phú Yên	7,5	7,0	7,2	8,0	7,4	Khá	
6	Lê Thị Mỹ	Hà	Nữ	M26A	27;08;2003	Khánh Hòa	7,2	7,2	7,5	7,4	7,3	Khá	
7	Nguyễn Lê Vũ	Hà	Nữ	M26A	25;10;2003	Khánh Hòa	7,5	7,1	6,6	8,8	7,5	Khá	
8	Lê Lương Lệ	Hảo	Nữ	M26A	13;09;2003	Phú Yên	6,4	6,3	7,1	5,5	6,3	Đạt	
9	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Nữ	M26A	16;01;2003	Phú Yên	7,4	7,3	7,8	5,9	7,1	Khá	
10	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	M26A	26;11;2003	Khánh Hòa	6,6	7,5	7,7	8,1	7,5	Khá	
11	Lương Thị Bích	Hiếu	Nữ	M26A	14;08;2003	Khánh Hòa	7,0	7,4	7,8	8,6	7,7	Khá	
12	Huỳnh Xuân	Hoài	Nữ	M26A	15;07;2003	Khánh Hòa	7,9	7,4	7,8	7,8	7,7	Khá	
13	Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	M26A	13;04;2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	7,8	8,1	7,7	Khá	
14	Lê Thị	Huyền	Nữ	M26A	12;07;2003	Đắk Lắk	8,0	7,5	7,8	6,1	7,3	Khá	
15	Siu H	Kep	Nữ	M26A	19;05;2003	Gia Lai	7,4	7,1	8,0	8,1	7,7	Khá	
16	Mai Thị Tuyết	Lê	Nữ	M26A	19;05;2003	Khánh Hòa	7,2	6,9	7,1	5,7	6,7	Đạt	
17	Hoàng Cao Khánh	Linh	Nữ	M26A	28;10;2002	Khánh Hòa	7,4	7,3	7,8	7,7	7,5	Khá	
18	Lê Nguyễn Phương	Linh	Nữ	M26A	08;12;2003	Khánh Hòa	7,3	7,7	7,1	8,0	7,5	Khá	
19	Nguyễn Kiều	Linh	Nữ	M26A	06;11;2003	Khánh Hòa	7,1	6,8	7,5	7,7	7,3	Khá	
20	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	M26A	08;04;2003	Khánh Hòa	7,4	7,1	7,8	8,4	7,7	Khá	

21	Phạm Thị Tuyết	Loan	Nữ	M26A	05;04;2003	Phú Yên	7,4	7,4	7,8	8,0	7,6	Khá	
22	Trần Thị	Lợi	Nữ	M26A	14;09;2003	Quảng Trị	7,2	7,3	7,8	7,9	7,6	Khá	
23	Lê Kim	Lượng	Nữ	M26A	26;09;2003	Khánh Hòa	7,6	7,6	7,9	8,7	7,9	Giỏi	
24	Phạm Hồ Khánh	Ly	Nữ	M26A	09;07;2003	Khánh Hòa	7,7	7,6	6,4	8,0	7,4	Khá	
25	Trần Thị Diễm	Ly	Nữ	M26A	20;11;2003	Khánh Hòa	7,3	7,3	7,7	5,9	7,0	Khá	
26	Đặng Thị Trúc	Mai	Nữ	M26A	01;02;2003	Phú Yên	7,5	7,5	7,1	5,9	7,0	Khá	
27	Lê Thị	Mai	Nữ	M26A	09;03;2001	Ninh Thuận	7,5	7,1	7,7	7,5	7,4	Khá	
28	Dương Thị Thúy	Nga	Nữ	M26A	12;02;2003	Phú Yên	7,4	7,2	7,8	8,0	7,6	Khá	
29	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	Nữ	M26A	28;03;2003	Khánh Hòa	7,4	7,6	7,8	8,1	7,7	Khá	
30	Trần Thị Quỳnh	Nhu	Nữ	M26A	24;10;2003	Khánh Hòa	7,2	7,1	7,8	7,8	7,5	Khá	
31	Lê Thị Tuyết	Như	Nữ	M26A	29;09;2003	Phú Yên	7,4	6,9	8,0	7,7	7,5	Khá	
32	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	M26A	02;05;2003	Gia Lai	6,7	6,9	7,8	7,6	7,2	Khá	
33	Lâu Y	Tâm	Nữ	M26A	25;12;2003	Gia Lai	7,3	7,4	7,8	7,7	7,6	Khá	
34	Rơ Chăm Hờ	Tất	Nữ	M26A	10;02;2003	Phú Yên	7,5	7,3	7,7	8,0	7,6	Khá	
35	Nguyễn Thị Tra	Thi	Nữ	M26A	13;04;2003	Khánh Hòa	6,8	7,3	7,1	8,0	7,3	Khá	
36	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	M26A	11;03;2003	Khánh Hòa	7,2	7,3	7,8	7,8	7,5	Khá	
37	Trần Minh	Thùy	Nữ	M26A	14;03;2003	Khánh Hòa	7,9	7,5	7,8	8,8	8,0	Giỏi	
38	Đinh Thị	Tra	Nữ	M26A	15;11;2003	Gia Lai	8,0	7,2	7,8	6,9	7,5	Khá	
39	Trần Thị Kim	Trái	Nữ	M26A	20;05;2003	Khánh Hòa	7,8	7,4	7,9	6,3	7,3	Khá	
40	Lê Võ Quỳnh	Trâm	Nữ	M26A	11;02;2003	Phú Yên	6,8	7,1	7,7	7,9	7,4	Khá	
41	Đinh Thị	Trang	Nữ	M26A	15;05;2003		7,5	7,2	7,7	5,7	7,0	Khá	
42	Nguyễn Thị Trúc	Vy	Nữ	M26A	19;10;2003	Khánh Hòa	6,7	6,2	7,8	6,1	6,7	Đạt	
43	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	M26A	02;08;2002	Đăk Lăk	7,7	7,6	8,2	8,9	8,1	Giỏi	
44	Lê Thị Ngọc	Nhung	Nữ	M26A	14;10;2002	Khánh Hòa	7,3	6,9	7,7	7,8	7,4	Khá	
45	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	M26B	07;02;2003	Bình Định	7,6	7,7	8,0	8,3	7,9	Khá	
46	Nguyễn Thị Loan	Anh	Nữ	M26B	18;07;2003	Phú Yên	7,1	7,0	6,4	8,0	7,1	Khá	
47	Nguyễn Hoà	Bắc	Nữ	M26B	30;09;2003	Khánh Hòa	7,7	6,8	7,9	8,0	7,6	Khá	
48	Trần Dương Quỳnh	Châu	Nữ	M26B	13;05;2003	Ninh Thuận	7,6	7,4	5,7	8,1	7,2	Khá	
49	Vũ Huỳnh Hạnh	Duyên	Nữ	M26B	17;11;2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	8,2	8,0	7,7	Khá	

50	Nguyễn Thị Kim	Giang	Nữ	M26B	03;04;2003	Phú Yên	7,7	7,6	7,7	8,0	7,7	Khá	
51	Trần Thị Linh	Giang	Nữ	M26B	27;02;2003	Bình Định	7,6	7,3	7,5	7,8	7,5	Khá	
52	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	M26B	19;11;2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	7,7	8,1	7,6	Khá	
53	Vương Huỳnh Gia	Hân	Nữ	M26B	29;06;2003	Khánh Hòa	7,4	7,4	6,4	8,8	7,5	Khá	
54	Nguyễn Thị Lê	Hằng	Nữ	M26B	26;06;2003	Phú Yên	7,5	7,3	8,2	6,5	7,4	Khá	
55	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	M26B	08;06;2003	Phú Yên	7,3	7,2	7,9	7,6	7,5	Khá	
56	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	M26B	01;09;2003	Khánh Hòa	7,3	7,0	7,1	6,9	7,1	Khá	
57	Đinh Thị Thúy	Hiền	Nữ	M26B	02;01;2003	Gia Lai	7,4	7,0	7,1	6,1	6,9	Đạt	
58	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	M26B	29;09;2003	Phú Yên	7,5	7,3	7,0	7,6	7,3	Khá	
59	Nguyễn Thị Minh	Khuê	Nữ	M26B	21;09;2003	Khánh Hòa	7,6	7,2	7,5	7,8	7,5	Khá	
60	Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	M26B	30;11;2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	7,8	8,6	7,9	Khá	
61	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	M26B	19;11;2003	Khánh Hòa	7,4	6,6	7,7	5,2	6,7	Đạt	
62	Phan Thị Mỹ	Loan	Nữ	M26B	18;06;2003	Phú Yên	7,6	7,3	7,7	8,0	7,6	Khá	
63	Nguyễn Thị Bích	Ly	Nữ	M26B	01;01;2003	Phú Yên	7,6	7,0	7,7	8,0	7,6	Khá	
64	Lê Thị Phương	Mai	Nữ	M26B	20;07;2003	Quảng Trị	7,2	7,0	7,2	8,6	7,5	Khá	
65	Kiều Trà	Mi	Nữ	M26B	20;01;2003	Khánh Hòa	7,2	7,3	7,8	6,1	7,1	Khá	
66	Trần Thị Kiều	Mi	Nữ	M26B	07;06;2003	Ninh Thuận	7,4	7,3	7,2	5,6	6,9	Đạt	
67	Kpã H'	Ngân	Nữ	M26B	02;02;2003	Gia Lai	8,0	7,2	7,2	8,1	7,6	Khá	
68	Phạm Thị	Ngát	Nữ	M26B	03;08;2003	Phú Yên	7,3	7,4	7,2	7,7	7,4	Khá	
69	Võ Thị Minh	Ngọc	Nữ	M26B	15;06;2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	7,2	7,6	7,4	Khá	
70	Trương Thị Thu	Nguyệt	Nữ	M26B	20;10;2003	Ninh Thuận	7,4	7,4	7,7	6,7	7,3	Khá	
71	Nguyễn Thị Yển	Nhi	Nữ	M26B	28;03;2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	5,8	7,9	7,1	Khá	
72	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	Nữ	M26B	28;09;2003	Phú Yên	7,4	7,4	7,7	7,8	7,6	Khá	
73	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	M26B	20;12;2003	Phú Yên	7,8	7,4	7,2	5,9	7,0	Khá	
74	Vũ Thị	Nhung	Nữ	M26B	10;10;2003	Nghệ An	7,7	7,7	8,3	8,0	7,9	Khá	
75	Đinh Thị	Niên	Nữ	M26B	21;02;2001	Gia Lai	7,4	6,7	5,7	6,8	6,7	Đạt	
76	Huỳnh Thị Kim	Quyên	Nữ	M26B	28;05;2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,6	8,0	7,6	Khá	
77	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	Nữ	M26B	30;03;2003	Khánh Hòa	7,3	7,3	8,1	8,5	7,8	Khá	
78	Trần Thu	Quỳnh	Nữ	M26B	17;09;2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	8,5	8,1	7,9	Khá	

79	Đinh Thị	Riêm	Nữ	M26B	25;07;2003	Gia Lai	7,4	7,2	7,1	5,4	6,8	Đạt	
80	Kator Thị	Thắm	Nữ	M26B	25;10;2003	Ninh Thuận	7,5	7,3	7,4	8,0	7,5	Khá	
81	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	M26B	25;01;2001	Khánh Hòa	7,4	7,4	7,3	8,3	7,6	Khá	
82	Đỗ Thị	Thư	Nữ	M26B	04;04;2003	Gia Lai	7,5	7,0	7,8	8,0	7,6	Khá	
83	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	M26B	11;09;2002	Gia Lai	7,3	7,4	7,8	8,0	7,6	Khá	
84	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	M26B	20;09;2003	Khánh Hòa	7,6	7,2	7,8	7,4	7,5	Khá	
85	Phạm Thị Ngọc	Thùy	Nữ	M26B	17;06;2002	Phú Yên	7,6	7,4	7,1	8,1	7,6	Khá	
86	Giang Thanh	Trà	Nữ	M26B	27;09;2002	Đắk Lắk	7,6	7,4	6,4	8,7	7,5	Khá	
87	Nguyễn Như Thanh	Trâm	Nữ	M26B	09;12;2003	Khánh Hòa	7,3	7,3	7,1	8,4	7,5	Khá	
88	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	Nữ	M26B	20;06;2003	Phú Yên	5,8	6,0	7,7	5,9	6,3	Đạt	
89	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	M26B	25;07;2002	Ninh Thuận	7,5	7,2	7,8	8,8	7,8	Khá	
90	Phạm Nguyễn Phương	Trong	Nữ	M26B	12;01;2003	Khánh Hòa	7,8	7,2	6,4	8,1	7,4	Khá	
91	Lê Thanh	Trúc	Nữ	M26B	22;12;2003	Khánh Hòa	7,4	7,2	7,8	7,3	7,4	Khá	
92	Lê Nguyễn Mỹ	Vân	Nữ	M26B	05;04;2003	Phú Yên	7,7	7,2	6,8	7,6	7,3	Khá	
93	Huỳnh Đình Như	Ý	Nữ	M26B	09;11;2003	Khánh Hòa	7,6	7,1	6,8	6,0	6,9	Đạt	
94	Dương Thị Hoàng	Yên	Nữ	M26B	02;07;2003	Phú Yên	7,7	7,4	7,1	7,6	7,4	Khá	
95	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	M26C	10;09;2003	Khánh Hòa	7,5	7,0	6,4	8,7	7,4	Khá	
96	Võ Lê Ngọc	Đài	Nữ	M26C	13;07;2003	Khánh Hòa	7,1	7,2	7,8	8,0	7,5	Khá	
97	Võ Thị Xuân	Duyên	Nữ	M26C	02;03;2003	Khánh Hòa	6,6	7,0	7,9	8,1	7,4	Khá	
98	Lê Trần Thu	Hà	Nữ	M26C	23;05;2003	Khánh Hòa	7,5	7,2	7,8	7,8	7,6	Khá	
99	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	Nữ	M26C	13;05;2003	Khánh Hòa	7,6	7,2	7,5	5,9	7,0	Khá	
100	Võ Thị	Hạnh	Nữ	M26C	07;06;2003	Khánh Hòa	7,7	7,4	7,8	5,8	7,2	Khá	
101	Trịnh Thị	Hiền	Nữ	M26C	26;02;2000	Khánh Hòa	7,7	7,6	7,8	7,3	7,6	Khá	
102	Đinh Thị	Hny	Nữ	M26C	15;01;2003	Gia Lai	7,6	7,3	7,5	7,5	7,5	Khá	
103	Châu Thị	Hồng	Nữ	M26C	22;01;2003	Phú Yên	7,5	7,2	7,8	7,7	7,6	Khá	
104	Lê Thị Ôn	Huy	Nữ	M26C	11;05;2003	Khánh Hòa	7,4	7,2	5,8	6,4	6,7	Đạt	
105	Đặng Khánh	Huyền	Nữ	M26C	16;06;2001	Khánh Hòa	7,7	7,8	8,4	5,9	7,4	Khá	
106	Nguyễn Thị Diễm	Lễ	Nữ	M26C	02;10;2002	Ninh Thuận	7,7	7,0	7,5	5,7	7,0	Đạt	
107	Đỗ Nhật Duy	Linh	Nữ	M26C	08;07;2003	Khánh Hòa	7,7	7,4	7,9	7,9	7,7	Khá	

108	Nguyễn Thị Kim	Ly	Nữ	M26C	15;01;2003	Khánh Hòa	6,6	7,4	7,7	8,0	7,4	Khá	
109	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	Nữ	M26C	11;08;2003	Phú Yên	6,8	7,2	7,9	7,5	7,3	Khá	
110	Lê Ngọc Thủy	Ngân	Nữ	M26C	01;01;2002	Khánh Hòa	7,6	7,5	7,9	7,9	7,7	Khá	
111	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	M26C	07;12;2002	Quảng Ngãi	7,7	7,3	7,9	8,1	7,8	Khá	
112	Phan Thị Tuyết	Nghi	Nữ	M26C	25;03;2003	Phú Yên	7,5	7,4	7,6	7,6	7,5	Khá	
113	Nguyễn Thị	Ngọt	Nữ	M26C	04;10;2003	Khánh Hòa	7,3	7,0	7,8	8,6	7,7	Khá	
114	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	M26C	14;12;2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	7,8	8,8	7,9	Khá	
115	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	M26C	24;11;2002	Khánh Hòa	7,3	6,9	8,1	7,6	7,5	Khá	
116	Hồ Thị	Nhung	Nữ	M26C	22;06;2003	Nghệ An	7,5	7,5	7,8	7,7	7,6	Khá	
117	Dương Thị	Nuôi	Nữ	M26C	18;07;2003	Khánh Hòa	8,0	7,7	7,8	8,4	8,0	Giỏi	
118	Phạm Nguyễn Bảo	Phúc	Nữ	M26C	28;03;2002	Khánh Hòa	7,4	7,6	7,8	7,9	7,7	Khá	
119	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	M26C	14;11;2003	Quảng Bình	7,1	7,2	7,8	8,3	7,6	Khá	
120	Trần Thảo	Phương	Nữ	M26C	12;05;2002	Gia Lai	7,7	7,3	6,0	8,3	7,3	Khá	
121	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	M26C	12;10;2003	Phú Yên	7,7	7,3	7,9	8,7	7,9	Khá	
122	Nguyễn Thị Tiên	Sinh	Nữ	M26C	04;11;2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	7,8	8,8	7,9	Khá	
123	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	Nữ	M26C	28;03;2001	Khánh Hòa	7,4	7,2	7,6	7,9	7,5	Khá	
124	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	M26C	07;11;2003	Quảng Bình	7,7	7,3	7,6	7,5	7,5	Khá	
125	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	M26C	23;09;2003	Khánh Hòa	7,7	6,6	7,9	7,5	7,4	Khá	
126	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	M26C	02;11;2003	Khánh Hòa	7,5	6,7	7,8	8,1	7,5	Khá	
127	Hoàng Thị Mai	Thị	Nữ	M26C	25;10;2001	Gia Lai	6,5	7,2	7,6	7,3	7,1	Khá	
128	Trần Thị Kim	Thị	Nữ	M26C	11;05;2000	Phú Yên	7,8	7,4	8,1	8,1	7,8	Khá	
129	Lưu Thị Minh	Thoả	Nữ	M26C	24;05;2000	Khánh Hòa	7,6	5,0	7,7	7,9	7,1	Khá	
130	Lưu Thị Minh	Thư	Nữ	M26C	17;12;2003	Khánh Hòa	7,3	7,3	7,7	8,0	7,6	Khá	
131	Nguyễn Lê Hoàng	Thương	Nữ	M26C	06;01;2003	Khánh Hòa	7,4	7,4	7,6	7,8	7,5	Khá	
132	Nguyễn Châu Anh	Thy	Nữ	M26C	22;08;2003	Gia Lai	7,4	7,3	7,7	7,5	7,5	Khá	
133	Võ Thị Đào	Tiên	Nữ	M26C	18;07;2003	Phú Yên	7,4	6,9	7,7	7,7	7,4	Khá	
134	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	M26C	30;03;2003	Khánh Hòa	7,7	6,8	7,7	6,9	7,3	Khá	
135	Hồ Thị Hồng	Trâm	Nữ	M26C	19;10;2003	Phú Yên	7,7	7,4	7,7	7,7	7,6	Khá	
136	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	M26C	24;09;2003	Khánh Hòa	7,4	7,5	7,7	7,2	7,5	Khá	

137	Phạm Thị Ngọc	Trang	Nữ	M26C	04;06;2003	Khánh Hòa	7,4	6,8	8,1	8,3	7,6	Khá	
138	Rahlan H	Trang	Nữ	M26C	09;12;2001	Gia Lai	7,6	7,3	7,7	8,0	7,6	Khá	
139	Nguyễn Thị Minh	Triều	Nữ	M26C	19;06;2002	Khánh Hòa	7,1	7,5	7,7	7,4	7,4	Khá	
140	Phạm Thị Hiền	Trinh	Nữ	M26C	14;10;2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	7,7	8,3	7,8	Khá	
141	Vô Thị Tuyết	Trinh	Nữ	M26C	20;02;2003	Phú Yên	7,3	7,2	7,6	5,3	6,8	Đạt	
142	Nguyễn Thị Ánh	Trúc	Nữ	M26C	07;04;2002	Phú Yên	7,5	7,3	7,7	7,9	7,6	Khá	
143	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyển	Nữ	M26C	21;11;2003	Khánh Hòa	7,4	6,7	7,7	5,8	6,9	Đạt	
144	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	M26C	25;01;2003	Hưng Yên	7,4	7,2	7,7	6,3	7,2	Khá	
145	Phạm Thị Khánh	Vi	Nữ	M26C	08;01;2003	Quảng Ngãi	7,4	7,3	8,1	6,7	7,4	Khá	
146	Vô Thị Bảo	Vy	Nữ	M26C	26;09;2003	Ninh Thuận	7,6	7,4	7,7	7,9	7,6	Khá	
147	Phan Thị Kim	Yên	Nữ	M26C	30;11;2002	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,5	7,9	7,6	Khá	
148	Triệu Thị Lan	Anh	Nữ	M26D	16;01;2002	Khánh Hòa	7,2	7,4	7,5	7,4	7,4	Khá	
149	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	M26D	07;07;2003	Hà Tĩnh	7,3	7,6	7,5	8,9	7,8	Khá	
150	Đỗ Thị Ngọc	Chi	Nữ	M26D	06;04;2003	Quảng Ngãi	7,8	7,1	7,5	8,5	7,7	Khá	
151	Ngô Thị Kim	Chi	Nữ	M26D	10;07;2003	Phú Yên	7,4	7,4	7,9	8,5	7,8	Khá	
152	Phan Thị	Diễm	Nữ	M26D	13;08;2003	Quảng Ngãi	8,0	7,2	6,4	7,2	7,2	Khá	
153	Lê Ngọc	Dung	Nữ	M26D	18;03;2003	Khánh Hòa	7,4	7,0	8,5	8,4	7,8	Khá	
154	Rah Lan H'	Giang	Nữ	M26D	30;12;2003	Gia Lai	7,2	6,9	7,9	8,0	7,5	Khá	
155	Vô Hoàng	Hà	Nữ	M26D	08;03;2003	Gia Lai	7,2	7,0	7,9	8,0	7,5	Khá	
156	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	M26D	30;09;2003	Khánh Hòa	7,6	7,3	6,5	7,9	7,3	Khá	
157	Nguyễn Nguyên Nhật	Hậu	Nữ	M26D	04;11;2003	Khánh Hòa	8,0	6,9	7,2	8,0	7,5	Khá	
158	Vô Thảo	Hiền	Nữ	M26D	10;12;2002	Khánh Hòa	7,7	7,4	6,8	8,7	7,6	Khá	
159	Vô Thúy	Hiền	Nữ	M26D	07;07;2001	Khánh Hòa	7,7	7,0	5,8	7,5	7,0	Đạt	
160	Lê Thị	Hoa	Nữ	M26D	15;09;2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	5,8	8,3	7,3	Khá	
161	Lê Thị Minh	Hoan	Nữ	M26D	14;04;2003	Khánh Hòa	7,5	7,2	7,9	8,2	7,7	Khá	
162	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	M26D	06;04;2002	Gia Lai	7,1	6,7	8,1	6,1	7,0	Đạt	
163	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	M26D	06;01;2003	TP HCM	7,0	7,3	5,8	8,1	7,1	Khá	
164	Phạm Hiếu	Kiên	Nữ	M26D	08;04;2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	7,8	7,8	7,6	Khá	
165	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	M26D	30;04;2003	Khánh Hòa	7,5	6,9	7,9	7,8	7,5	Khá	

166	Đỗ Thị	Linh	Nữ	M26D	25;08;2003	Phú Yên	7,4	7,7	5,8	7,5	7,1	Khá	
167	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	M26D	11;05;2003	Phú Yên	7,6	7,4	5,8	7,8	7,1	Khá	
168	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	M26D	20;12;2003	Khánh Hòa	7,3	7,5	7,9	7,4	7,5	Khá	
169	Huỳnh Thị Trúc	Ly	Nữ	M26D	15;03;2003	Khánh Hòa	7,7	7,0	7,5	7,7	7,5	Khá	
170	Trần Doãn Ý	Ly	Nữ	M26D	15;08;2003	Khánh Hòa	7,4	7,6	7,1	8,0	7,5	Khá	
171	Nguyễn Nhật Thảo	My	Nữ	M26D	22;02;2003	Đắk Lắk	7,6	7,4	8,2	7,7	7,7	Khá	
172	Nguyễn Thuý	Nga	Nữ	M26D	12;05;2002	Hà Nam	7,5	7,0	7,9	8,4	7,7	Khá	
173	Hồ Thị Đoàn Bích	Ngọc	Nữ	M26D	01;12;2003	Khánh Hòa	7,7	7,2	6,8	7,9	7,4	Khá	
174	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	M26D	05;11;2002	Phú Yên	7,5	7,3	7,9	5,9	7,1	Khá	
175	Pi Năng Thị	Nhã	Nữ	M26D	31;07;2001	Ninh Thuận	7,2	7,1	7,7	8,2	7,6	Khá	
176	Đinh Thị Thu	Nhi	Nữ	M26D	13;02;2003	Quảng Ngãi	7,5	7,3	7,9	8,8	7,9	Khá	
177	Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	M26D	02;08;2002	Khánh Hòa	7,6	7,3	5,8	8,2	7,2	Khá	
178	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	Nữ	M26D	04;10;2003	Khánh Hòa	7,5	7,2	7,7	8,2	7,6	Khá	
179	Phạm Thị Tuyết	Nhung	Nữ	M26D	01;08;2003	Phú Yên	7,4	7,1	7,8	8,2	7,6	Khá	
180	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	M26D	23;02;2003	Khánh Hòa	7,2	7,4	5,8	7,3	6,9	Đạt	
181	Trần Xuân	Quý	Nữ	M26D	22;10;2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	5,8	7,9	7,1	Khá	
182	Võ Như	Quỳnh	Nữ	M26D	12;06;2003	Khánh Hòa	7,2	7,0	5,8	7,8	6,9	Đạt	
183	Trần Nguyễn Hồng	Thảo	Nữ	M26D	06;07;2003	Khánh Hòa	7,4	6,8	7,9	7,8	7,5	Khá	
184	Võ Thu	Thiện	Nữ	M26D	26;08;2003	Khánh Hòa	7,2	7,1	5,8	7,5	6,9	Đạt	
185	Đặng Lệ	Thơ	Nữ	M26D	11;02;2003	Đắk Lắk	7,5	7,4	6,5	7,6	7,2	Khá	
186	Lê Trần Huyền	Thoa	Nữ	M26D	21;04;2003	Ninh Thuận	7,7	7,2	8,1	7,6	7,6	Khá	
187	Nguyễn Thị Bình	Thuận	Nữ	M26D	14;01;2003	Quảng Ngãi	7,5	7,0	7,8	8,5	7,7	Khá	
188	Trần Thị Kim	Thuận	Nữ	M26D	01;11;2003	Khánh Hòa	7,5	7,0	7,2	6,0	6,9	Đạt	
189	Mai Thị Cao	Thương	Nữ	M26D	28;06;2003	Phú Yên	7,2	7,3	7,7	8,1	7,6	Khá	
190	Trần Thị	Thương	Nữ	M26D	05;07;2001	Hà Tĩnh	7,5	7,3	7,5	7,7	7,5	Khá	
191	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	M26D	03;11;2003	Ninh Thuận	7,7	7,3	6,8	8,2	7,5	Khá	
192	Trần Hoàng Bảo	Trân	Nữ	M26D	20;09;2003	Phú Yên	7,5	7,2	7,9	7,6	7,6	Khá	
193	Mai Thị Thanh	Trúc	Nữ	M26D	10;09;2003	Bình Định	7,6	7,0	7,5	7,9	7,5	Khá	
194	Trần Nhã	Trúc	Nữ	M26D	18;11;2003	Phú Yên	5,9	7,1	8,0	6,2	6,8	Đạt	

195	Lê Thị Kim	Tuyết	Nữ	M26D	23;04;2002	Khánh Hòa	8,0	7,2	8,2	8,3	7,9	Khá	
196	Ngô Thị Kim	Út	Nữ	M26D	01;01;2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	6,5	6,8	7,1	Khá	
197	Đinh Thị Tố	Uyên	Nữ	M26D	05;08;2003	Quảng Ngãi	7,7	7,2	7,9	8,1	7,7	Khá	
198	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	M24G	19;06;2001	Phú Yên	7,4	7,2	7,9	7,5	7,5	Khá	
199	Nông Hồng	Ánh	Nữ	M26E	'10/07/2003	Cao Bằng	7,4	7,3	6,0	7,7	7,1	Khá	
200	Huỳnh Như	Bình	Nữ	M26E	'19/02/2003	Khánh Hòa	7,4	7,6	6,8	7,4	7,3	Khá	
201	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	Nữ	M26E	10/02/2003	Bình Định	7,4	7,0	7,7	8,1	7,6	Khá	
202	Huỳnh Thị Lan	Chi	Nữ	M26E	'18/09/2003	Khánh Hòa	6,9	7,0	6,7	7,4	7,0	Khá	
203	Lê Thị Bích	Đào	Nữ	M26E	'04/02/2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	6,3	6,7	7,0	Khá	
204	Võ Hồng	Diệu	Nữ	M26E	'24/10/2003	Khánh Hòa	7,4	6,9	5,0	7,9	6,8	Đạt	
205		Gang	Nữ	M26E	'00/00/2003	Gia Lai	7,4	7,4	6,7	7,3	7,2	Khá	
206	Võ Thị Hương	Giang	Nữ	M26E	'28/07/2003	Phú Yên	7,5	7,3	7,4	8,0	7,5	Khá	
207	Phạm Hồng	Hạnh	Nữ	M26E	'01/01/2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	7,7	7,9	7,6	Khá	
208	Võ Thị Ngọc	Hiệp	Nữ	M26E	'29/11/2002	Phú Yên	7,4	7,4	7,1	7,9	7,4	Khá	
209	Ngô Thị Phụng	Kiều	Nữ	M26E	'12/11/2003	Phú Yên	7,6	7,3	7,0	5,9	7,0	Khá	
210	Trần Thị Mỹ	Lan	Nữ	M26E	'24/05/2002	Phú Yên	7,7	7,2	7,3	6,5	7,2	Khá	
211	Trần Thị Khánh	Lê	Nữ	M26E	'16/04/2003	Phú Yên	7,8	7,6	7,1	7,3	7,4	Khá	
212	Đinh Thị Thanh	Ly	Nữ	M26E	'02/09/2003	Quảng Ngãi	7,2	7,1	5,6	7,9	7,0	Khá	
213	Huỳnh Trịnh Diễm	My	Nữ	M26E	18/01/2003	Phú Yên	7,4	7,0	7,0	8,0	7,4	Khá	
214	Hoàng Thị Mộng	Na	Nữ	M26E	'10/02/2003	Đắk Lắk	7,6	7,1	7,0	8,0	7,4	Khá	
215	Nguyễn Phương	Nam	Nữ	M26E	'01/10/2003	Bình Thuận	7,7	7,4	7,1	8,0	7,5	Khá	
216	Phan Thị Thảo	Nguyên	Nữ	M26E	'05/09/2002	Ninh Thuận	7,3	7,4	7,0	8,0	7,4	Khá	
217	Trương Thị Hồng	Nhung	Nữ	M26E	'17/05/2003	Phú Yên	7,7	7,0	7,4	6,3	7,1	Khá	
218	Cao Thị	Phụng	Nữ	M26E	30/05/2003	Khánh Hòa	7,5	6,2	5,7	7,2	6,7	Đạt	
219	Đinh Thị Thúy	Phụng	Nữ	M26E	'20/10/2003	Khánh Hòa	7,7	7,3	7,4	6,1	7,1	Khá	
220	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	M26E	'17/11/2003	Khánh Hòa	7,0	7,7	5,9	8,1	7,2	Khá	
221	Ngô Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	M26E	'08/01/2003	Khánh Hòa	6,9	7,0	5,3	7,4	6,7	Đạt	
222	Nguyễn Thị Thu	Sang	Nữ	M26E	'09/02/2003	Khánh Hòa	8,0	7,6	7,2	7,8	7,6	Khá	
223	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	Nữ	M26E	'10/01/2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	7,1	8,7	7,7	Khá	

224	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	M26E	'22/01/2003	Khánh Hòa	7,5	7,3	7,0	7,4	7,3	Khá	
225	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	M26E	'30/07/2003	Khánh Hòa	7,6	7,2	6,3	5,9	6,7	Đạt	
226	Phan Ngọc Huyền	Trân	Nữ	M26E	'29/06/2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	5,7	8,3	7,2	Khá	
227	Chamléa Thị	Trang	Nữ	M26E	09/05/2002	Ninh Thuận	7,6	7,4	7,0	5,9	7,0	Khá	
228	Ngô Thị Thanh	Tuyền	Nữ	M26E	'10/03/2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,0	5,9	7,0	Khá	
229	Đàng Thị Kim	Tuyệt	Nữ	M26E	10/05/2002	Ninh Thuận	7,3	7,1	6,4	7,9	7,2	Khá	
230	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Nữ	M26E	05/08/2003	Đắk Lắk	7,4	7,4	6,2	7,4	7,1	Khá	
231	Lương Bích	Vi	Nữ	M26E	14/02/2002	Khánh Hòa	6,6	7,0	7,0	8,0	7,1	Khá	
232	Cao Thị	Xuyên	Nữ	M26E	'12/06/2003	Ninh Thuận	7,7	7,4	8,0	8,0	7,8	Khá	
233		Yoach	Nữ	M26E	'00/00/2003	Gia Lai	7,3	7,4	7,0	7,9	7,4	Khá	
234	Kiều Nữ Mộng	Uyển	Nữ	M26E	'24/12/1996	Ninh Thuận	7,7	7,4	6,4	5,9	6,8	Đạt	
235	Huỳnh Thị Thảo	Vy	Nữ	M26E	'08/03/2003	Phú Yên	7,5	7,3	7,0	6,3	7,0	Khá	
236	Cao Thị Kim	Trúc	Nữ	M26E	'28/12/2002	Khánh Hòa	7,3	7,3	6,2	7,3	7,0	Khá	
237	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	M26E	'11/09/2003	Bình Thuận	7,7	7,7	7,0	7,9	7,6	Khá	
238	Công Huỳnh Kim	Lợi	Nữ	M26E	'10/07/2002	Khánh Hòa	7,2	7,4	7,2	6,7	7,1	Khá	
239	Trần Thị Trà	My	Nữ	M26E	'18/03/2003	Nghệ An	7,8	7,4	6,0	8,0	7,3	Khá	
240	Lê Thị	Nhàn	Nữ	M26E	'20/10/2000	Nghệ An	7,4	7,4	7,4	7,9	7,5	Khá	
241	Văn Thị Bích	Thủy	Nữ	M26E	'23/03/2003	Gia Lai	7,4	7,5	7,6	5,9	7,1	Khá	
242	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	M26G	06/03/2003	Gia Lai	7,6	6,2	6,9	7,9	7,1	Khá	
243	Thân Thị	Điều	Nữ	M26G	'30/12/1999	Hà Tĩnh	7,6	7,2	7,0	7,5	7,3	Khá	
244	Y	Dương	Nữ	M26G	'29/07/2003	Kon Tum	6,9	7,1	7,1	5,9	6,7	Đạt	
245	Đinh Thị Hạnh	Duyên	Nữ	M26G	17/11/2002	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,2	8,1	7,5	Khá	M26D
246	Lê Dương	Hà	Nữ	M26G	'26/12/2003	Khánh Hòa	7,2	7,4	7,7	6,3	7,2	Khá	
247	Trần Ngọc	Hân	Nữ	M26G	'22/03/2003	Khánh Hòa	7,2	7,3	6,7	5,9	6,8	Đạt	
248	Lê Thị Khánh	Hiền	Nữ	M26G	'16/08/2003	Khánh Hòa	7,7	7,7	5,7	6,3	6,9	Đạt	
249	Trương Thị Thanh	Hiền	Nữ	M26G	'05/08/1998	hừa Thiên Hu	7,4	7,2	6,7	7,9	7,3	Khá	
250	Nguyễn Thị	Hiệp	Nữ	M26G	'26/08/2003	Đắk Lắk	7,8	7,4	7,8	7,3	7,6	Khá	
251	Vô Bích	Hợp	Nữ	M26G	'26/08/2003	Khánh Hòa	6,8	7,0	7,4	7,9	7,3	Khá	
252	Nguyễn Ngọc Mai	Hương	Nữ	M26G	06/03/2003	Ninh Thuận	7,5	7,4	7,4	8,4	7,7	Khá	

253	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	M26G	'26/07/2003	Đăk Lăk	6,8	7,0	7,1	8,7	7,4	Khá	
254	Son	Hy	Nữ	M26G	'01/04/2001	Lâm Đồng	7,5	7,4	7,4	5,8	7,0	Khá	
255	Ngô Hoàng	Kim	Nữ	M26G	03/06/2003	Khánh Hòa	7,0	7,4	6,6	7,0	7,0	Khá	
256	Nguyễn Thị Hồng	Kim	Nữ	M26G	'18/11/2003	Phú Yên	7,2	7,0	5,7	5,9	6,4	Đạt	
257	Thị Mỹ	Lan	Nữ	M26G	'14/02/2003	Khánh Hòa	6,8	7,3	7,1	8,7	7,5	Khá	
258	Đinh Thị Thùy	Linh	Nữ	M26G	'20/06/2003	Khánh Hòa	7,3	7,2	7,3	8,0	7,4	Khá	
259	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	M26G	'24/09/2003	Khánh Hòa	7,9	7,7	7,8	8,6	8,0	Giỏi	
260	Chamaléa Thị	Lý	Nữ	M26G	'01/01/2003	Ninh Thuận	7,5	7,3	5,6	8,6	7,2	Khá	
261	Ksor H'	Mao	Nữ	M26G	26/02/2003	Gia Lai	7,3	7,4	7,9	7,5	7,5	Khá	
262	Đinh Thị Hà	My	Nữ	M26G	28/09/2003	Gia Lai	5,2	7,3	5,8	7,7	6,5	Đạt	
263	Ksor H'	Nang	Nữ	M26G	'15/11/2002	Gia Lai	7,3	7,2	6,3	8,0	7,2	Khá	
264	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	M26G	'13/09/2003	Khánh Hòa	6,9	7,0	6,7	7,8	7,1	Khá	
265	Hồ Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	M26G	'29/10/2003	Khánh Hòa	7,0	6,8	6,8	8,6	7,3	Khá	
266	Trần Thị Như	Ngọc	Nữ	M26G	30/12/2003	Ninh Thuận	6,6	7,1	6,3	8,0	7,0	Khá	
267	Bá Thị Kim	Nguyệt	Nữ	M26G	'25/02/2002	Ninh Thuận	7,4	7,1	6,3	7,9	7,2	Khá	
268	Ksor H'	Nguyệt	Nữ	M26G	09/10/1999	Gia Lai	7,2	7,3	7,0	8,0	7,4	Khá	
269	Võ Thị Kim	Nhàn	Nữ	M26G	'07/02/2003	Khánh Hòa	7,4	7,3	7,6	7,7	7,5	Khá	
270	Phạm Xuân	Nhi	Nữ	M26G	'10/08/2003	Ninh Thuận	7,6	7,2	6,3	8,5	7,4	Khá	
271	Nguyễn Trần Minh	Như	Nữ	M26G	27/09/2003	Khánh Hòa	7,7	7,5	7,6	5,9	7,2	Khá	
272	Pinăng Thị Kim	Oanh	Nữ	M26G	'15/06/2003	Ninh Thuận	7,7	7,4	7,0	7,7	7,4	Khá	
273	Lê Thị Thu	Phuong	Nữ	M26G	'14/03/2003	Gia Lai	7,2	7,4	7,3	8,0	7,5	Khá	
274	Hán Thị Út	Quy	Nữ	M26G	15/10/2003	Ninh Thuận	7,1	7,0	6,6	6,5	6,8	Đạt	
275	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	M26G	'16/01/2003	Khánh Hòa	7,9	7,3	7,7	7,9	7,7	Khá	
276	Nguyễn Thị Thanh	Sang	Nữ	M26G	'24/05/2003	Khánh Hòa	7,8	7,5	7,7	7,9	7,7	Khá	
277	Mai Thị	Thoa	Nữ	M26G	'01/07/2003	Đăk Lăk	7,7	7,4	7,7	5,9	7,2	Khá	
278	Phan Ngọc Anh	Thoa	Nữ	M26G	'27/08/2003	Khánh Hòa	7,8	7,3	7,7	6,3	7,3	Khá	
279	Đinh Thị Hồng	Thương	Nữ	M26G	07/11/1997	Thái Bình	6,5	7,2	7,0	5,9	6,6	Đạt	
280	Nguyễn Quỳnh Quế	Trân	Nữ	M26G	'09/02/2003	Khánh Hòa	6,9	7,0	7,6	5,8	6,8	Đạt	
281	Phạm Thị Kim	Trang	Nữ	M26G	'07/03/1999	Khánh Hòa	7,6	7,2	6,7	7,2	7,2	Khá	

282	Lê Thị Mỹ	Trình	Nữ	M26G	'11/02/2003	Khánh Hòa	7,5	7,4	7,6	7,9	7,6	Khá	
283	Lê Vân	Uyên	Nữ	M26G	24/08/2003		7,3	6,7	6,7	5,9	6,6	Đạt	
284	Nguyễn Phạm Thục	Uyên	Nữ	M26G	'08/04/2003	Khánh Hòa	7,0	7,0	7,0	8,5	7,4	Khá	
285	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	M26G	'12/07/2003	Gia Lai	7,7	7,4	7,7	5,9	7,2	Khá	
286	Trần Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	M26G	'16/10/2003	Khánh Hòa	7,6	7,2	7,0	8,5	7,6	Khá	
287	Cao Thị Thanh	Xuân	Nữ	M26G	'25/01/2003	Khánh Hòa	7,5	7,3	7,0	7,9	7,4	Khá	
288	Trương Ngọc	Uyên	Nữ	M26G	'25/07/2003	Khánh Hòa	7,7	7,2	8,7	8,8	8,1	Giỏi	
289	Nguyễn Ngọc Thanh	Uyên	Nữ	M26G	'13/02/2003	Khánh Hòa	7,4	7,0	7,7	7,7	7,4	Khá	
290	Tạ Thị Thanh	Trúc	Nữ	M26G	'07/08/2003	Phú Yên	7,5	7,4	8,6	8,1	7,9	Khá	
291		Amler	Nữ	M26H	'01/02/2003	Gia Lai	7,6	7,4	5,6	7,5	7,0	Khá	
292	Nguyễn Ngọc Tiểu	Băng	Nữ	M26H	'05/03/2003	Khánh Hòa	7,6	7,3	6,7	6,7	7,1	Khá	
293	Ngô Mai	Chi	Nữ	M26H	'21/11/2003		7,8	7,3	6,3	7,7	7,3	Khá	
294	Nguyễn Thùy	Chi	Nữ	M26H	'05/04/2003	Đắk Lắk	7,2	7,3	8,6	8,2	7,8	Khá	
295	Nguyễn Ngọc Kim	Chung	Nữ	M26H	'24/10/2003	Phú Yên	7,1	6,8	7,4	5,9	6,8	Đạt	
296	Thuận Thị Từ	Di	Nữ	M26H	15/03/2002	Ninh Thuận	7,7	7,3	7,4	7,6	7,5	Khá	
297	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	Nữ	M26H	'23/05/2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	7,6	7,8	7,6	Khá	
298	Chamaléa Thị	Duyên	Nữ	M26H	'02/01/2003	Ninh Thuận	7,0	6,8	6,3	6,3	6,6	Đạt	
299	Võ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	M26H	'25/08/2003	Khánh Hòa	7,7	7,4	7,9	7,6	7,6	Khá	
300	Nguyễn Hoàng	Giang	Nữ	M26H	'27/09/2003	Khánh Hòa	6,9	7,0	6,3	7,8	7,0	Khá	
301	Chu Thị Thu	Hà	Nữ	M26H	'13/09/2003	Gia Lai	7,2	7,5	7,7	5,9	7,1	Khá	
302	Nguyễn Huỳnh Huy	Hải	Nữ	M26H	'02/10/2003	Phú Yên	7,5	7,2	6,7	7,9	7,3	Khá	
303	Lê Nguyễn Hồng	Hân	Nữ	M26H	17/01/2002	Ninh Thuận	7,1	7,3	7,2	8,0	7,4	Khá	
304	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	M26H	'20/07/2003	Phú Yên	7,4	7,0	6,0	6,6	6,8	Đạt	
305	Võ Bích	Hiền	Nữ	M26H	'21/08/2003	Khánh Hòa	7,2	7,2	6,5	6,3	6,8	Đạt	
306	Kator Thị	Hiếu	Nữ	M26H	'30/07/2003	Ninh Thuận	7,4	7,2	6,3	6,5	6,9	Đạt	
307	Mai Thị	Huệ	Nữ	M26H	'10/02/2003	Ninh Thuận	7,5	7,3	7,2	8,3	7,6	Khá	
308	Cao Thị Minh	Hương	Nữ	M26H	27/01/2002	Khánh Hòa	8,0	7,6	7,8	9,4	8,2	Giỏi	
309	Nguyễn Thị Út	Hường	Nữ	M26H	'01/01/2002	Ninh Thuận	7,6	7,2	7,6	5,9	7,1	Khá	
310	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	M26H	'07/07/1999	Khánh Hòa	7,4	7,4	6,4	8,6	7,4	Khá	

311	Phạm Thị Kim	Huyền	Nữ	M26H	'07/02/2003	Ninh Thuận	7,1	7,0	5,7	7,9	6,9	Đạt	
312	Võ Thanh	Huyền	Nữ	M26H	'14/04/2003	Khánh Hòa	7,3	7,0	7,8	8,7	7,7	Khá	
313	Tài Nữ Ánh	Khuyên	Nữ	M26H	'09/01/2003	Ninh Thuận	7,7	7,2	5,0	5,9	6,4	Đạt	
314	Tô Mỹ Lam	Kỳ	Nữ	M26H	'11/11/2002	Khánh Hòa	7,0	7,0	7,1	5,8	6,7	Đạt	
315	Siu	Liên	Nữ	M26H	21/05/2002	Gia Lai	7,2	7,2	6,8	7,9	7,3	Khá	
316	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	M26H	06/09/2003	Khánh Hòa	7,1	7,3	7,1	7,9	7,3	Khá	
317	Nguyễn Thị Thanh	Lý	Nữ	M26H	'28/03/2003	Phú Yên	7,6	7,1	5,0	7,9	6,9	Đạt	
318	Đào Xuân	Nguyên	Nữ	M26H	'12/11/2003	Khánh Hòa	8,0	7,4	7,6	8,6	7,9	Khá	
319	Nguyễn Ngô Thị	Nguyễn	Nữ	M26H	'01/11/2003	Khánh Hòa	7,6	6,9	7,8	7,6	7,5	Khá	
320	Nguyễn Thị Hoài	Như	Nữ	M26H	'14/08/2003	Quảng Trị	7,1	7,0	6,0	8,0	7,0	Khá	
321	Nguyễn Ngọc Kiều	Oanh	Nữ	M26H	'27/01/2003	Khánh Hòa	7,3	7,2	8,1	8,0	7,6	Khá	
322	Y	Pao	Nữ	M26H	'19/03/2002	Kon Tum	7,1	7,1	5,2	7,5	6,7	Đạt	
323	Lê Đài Nhật	Quyên	Nữ	M26H	'07/05/2003	Khánh Hòa	7,6	7,4	7,1	7,3	7,3	Khá	
324	Nguyễn Lê Lan	Quyên	Nữ	M26H	'10/07/2002	Ninh Thuận	7,5	6,9	6,4	5,8	6,6	Đạt	
325	Trần Thị Lệ	Quyên	Nữ	M26H	'27/12/2003	Phú Yên	7,5	7,4	7,1	6,8	7,2	Khá	
326	Trần Thị Xuân	Tuyền	Nữ	M26H	'14/04/2003	Khánh Hòa	6,7	7,7	7,8	8,6	7,7	Khá	
327	Lê Ngọc Phương	Thảo	Nữ	M26H	'08/06/2003	Ninh Thuận	7,7	7,2	7,8	6,4	7,2	Khá	
328	Hán Thị Bé	Thơ	Nữ	M26H	'20/02/2003	Ninh Thuận	7,5	6,9	7,6	5,9	7,0	Khá	
329	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	M26H	'08/05/2003	Đắk Lắk	7,2	7,0	7,6	6,3	7,0	Khá	
330	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	M26H	'15/05/2003	Khánh Hòa	7,1	6,8	7,6	5,9	6,9	Đạt	
331	Đồng Nữ Bích	Vân	Nữ	M26H	'15/03/2003	Ninh Thuận	7,4	7,0	7,5	7,3	7,3	Khá	
332	Nguyễn Thu	Vân	Nữ	M26H	'01/10/2003	Khánh Hòa	7,2	7,2	7,7	7,5	7,4	Khá	
333	Đồng Thị Yển	Vy	Nữ	M26H	'17/12/2002	Ninh Thuận	7,2	7,0	7,2	7,2	7,2	Khá	
334	Quảng Thị Cẩm	Xuyên	Nữ	M26H	'31/10/2003	Ninh Thuận	7,4	7,7	7,8	7,6	7,6	Khá	
335	Phú Thị Kim	Zon	Nữ	M26H	'15/01/2003	Ninh Thuận	7,3	6,9	7,8	5,9	7,0	Khá	
336	Nại Thị Tuyết	Băng	Nữ	M26I	'17/07/2003	Ninh Thuận	7,4	7,0	7,1	8,6	7,5	Khá	
337	Nguyễn Thị Kim	Chung	Nữ	M26I	'31/03/2003	Quảng Ngãi	7,2	7,0	7,8	8,3	7,6	Khá	
338	Sử Thị Linh	Đan	Nữ	M26I	'16/12/2003	Ninh Thuận	7,1	7,0	7,3	5,9	6,8	Đạt	
339	Rơ Mah	Đuít	Nữ	M26I	06/12/2003	Gia Lai	7,1	7,0	7,4	7,7	7,3	Khá	

340	Kator Thị	Duyên	Nữ	M26I	'19/09/2003	Ninh Thuận	6,4	7,0	7,6	6,5	6,9	Đạt	
341	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	Nữ	M26I	'28/10/2003	Khánh Hòa	6,5	7,0	7,1	6,7	6,8	Đạt	
342	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	M26I	'16/07/2003	Phú Yên	7,2	7,2	7,5	7,4	7,3	Khá	
343	Đinh Thị	Đuyết	Nữ	M26I	11/09/2002	Gia Lai	7,1	7,0	5,7	7,9	6,9	Đạt	
344	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	M26I	'07/06/2003	Quảng Ngãi	7,7	7,0	7,8	7,7	7,6	Khá	
345	Võ Thị Thu	Hạnh	Nữ	M26I	14/09/2002	Khánh Hòa	6,8	7,2	7,8	7,6	7,3	Khá	
346	Hồ Thị Thu	Hiền	Nữ	M26I	01/01/2003	Quảng Trị	7,4	7,4	7,5	5,9	7,1	Khá	
347	Ca Thị	Huyền	Nữ	M26I	25/10/2003	Khánh Hòa	7,5	7,3	8,1	6,1	7,3	Khá	
348	Patauxá Thị	Kim	Nữ	M26I	'06/07/2003	Ninh Thuận	7,4	7,0	7,3	8,6	7,6	Khá	
349	Kim Trần Ngọc	Linh	Nữ	M26I	'02/01/2003	Đăk Lăk	6,5	7,3	7,5	7,6	7,2	Khá	
350	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	M26I	'01/09/2002	hừa Thiên Hu	6,7	7,1	7,1	7,4	7,1	Khá	
351	Nguyễn Thị Bích	Lợi	Nữ	M26I	'26/05/2003	Khánh Hòa	7,2	7,0	7,3	5,9	6,9	Đạt	
352	Lê Ngọc Anh	My	Nữ	M26I	'28/04/2003	Ninh Thuận	7,4	7,1	6,4	5,9	6,7	Đạt	
353	Võ Thị Trà	My	Nữ	M26I	'11/11/2002	Khánh Hòa	7,4	7,0	6,8	7,5	7,2	Khá	
354	Nguyễn Thị Tố	Nga	Nữ	M26I	'20/04/2003	Phú Yên	7,0	7,0	6,1	6,3	6,6	Đạt	
355	Hồ Kim	Ngân	Nữ	M26I	'17/01/2003	Khánh Hòa	7,3	7,0	6,4	7,6	7,1	Khá	
356	Nguyễn Võ Kim	Ngân	Nữ	M26I	'11/09/2003	Khánh Hòa	6,5	7,2	6,7	7,8	7,0	Khá	
357	Mai Thị Xuân	Ngoan	Nữ	M26I	'27/08/2001	Phú Yên	6,7	7,3	7,6	8,4	7,5	Khá	
358	Ksor H'	Nhan	Nữ	M26I	'15/11/2002	Gia Lai	7,4	7,0	7,8	7,3	7,4	Khá	
359	Nguyễn Phương	Nhung	Nữ	M26I	'13/10/2003	Khánh Hòa	7,2	7,0	7,1	6,7	7,0	Khá	
360	Nguyễn Thị Yển	Nhi	Nữ	M26I	'02/06/2003	Đăk Lăk	7,1	7,0	7,4	8,0	7,4	Khá	
361	Phạm Thị Ngọc	Phấn	Nữ	M26I	'21/11/2003	Khánh Hòa	7,5	7,0	6,4	5,9	6,7	Đạt	
362	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	M26I	'06/12/2002	Khánh Hòa	6,5	6,7	7,5	8,0	7,2	Khá	
363	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	M26I	'28/01/2003	Quảng Trị	7,4	7,7	5,9	7,9	7,3	Khá	
364	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	M26I	'01/06/2001	Quảng Ngãi	7,6	7,4	8,2	8,1	7,8	Khá	
365	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	M26I	'06/07/2003	Khánh Hòa	7,7	7,4	7,8	7,9	7,7	Khá	
366	Võ Trần Lệ	Quyên	Nữ	M26I	'09/02/2003	Đăk Lăk	6,9	7,0	7,2	8,0	7,3	Khá	
367	Đặng Thị	Quỳnh	Nữ	M26I	'30/01/2003	Kon Tum	7,2	7,2	7,5	8,0	7,5	Khá	
368	Hồ Thị Hoàng	Tâm	Nữ	M26I	'23/09/2003	Khánh Hòa	7,1	6,9	6,8	5,8	6,6	Đạt	

369	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	M26I	'07/02/2003	Khánh Hòa	7,1	7,0	7,5	5,9	6,9	Đạt	
370	Nguyễn Trần Phương	Thảo	Nữ	M26I	'21/09/2003	Bình Thuận	7,3	7,4	7,9	7,2	7,5	Khá	
371	Nguyễn Nhật Minh	Thị	Nữ	M26I	'05/06/2003	Ninh Thuận	7,3	7,6	7,1	8,7	7,7	Khá	
372	Nguyễn Thị	Tính	Nữ	M26I	'22/02/2003	Phú Yên	7,2	7,3	5,9	7,9	7,1	Khá	
373	Phạm Thị	Tĩnh	Nữ	M26I	'12/05/2003	Khánh Hòa	7,6	7,0	7,2	7,9	7,4	Khá	
374	Dương Quỳnh	Trâm	Nữ	M26I	'06/03/2002	Khánh Hòa	7,0	7,0	7,8	5,8	6,9	Đạt	
375	Hồ Thị Thương	Trang	Nữ	M26I	'11/09/2003	Khánh Hòa	7,3	7,7	7,1	5,9	7,0	Khá	
376	Nguyễn Thảo	Trang	Nữ	M26I	01/09/2003	Ninh Thuận	7,3	7,3	7,5	5,8	7,0	Khá	
377	Ngô Thị Thanh	Trúc	Nữ	M26I	'09/07/2003	Khánh Hòa	7,1	7,0	7,5	5,9	6,9	Đạt	
378	Trần Thị Hải	Vân	Nữ	M26I	16/01/2003	Gia Lai	7,5	7,5	5,7	6,3	6,8	Đạt	
379	Lâm Nhật Thảo	Vy	Nữ	M26I	'07/03/2003	Khánh Hòa	6,8	7,7	8,1	6,5	7,3	Khá	
380	Nguyễn Thị Thu	Yên	Nữ	M26I	'06/02/2003	Ninh Thuận	7,0	7,0	7,3	5,8	6,8	Đạt	
381	Lê Hải	Yến	Nữ	M26I	'03/08/2003	Kon Tum	6,6	7,2	7,8	7,9	7,4	Khá	
382	Đinh Thị	Nho	Nữ	M26D	06/02/2002	Gia Lai	7,5	7,3	7,8	7,2	7,5	Khá	

